TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2020/QĐST - HNGĐ	*Tam Đường, ngày 20 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Giữa:

Nguyên đơn: Chị Từ Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu

Bị đơn: Anh Phạm Trung H, sinh năm 1985

Nơi ĐKHKTT: Bản Đ, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Điều 54; Điều 55, Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Từ Thị N và anh Phạm Trung H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Thị N và anh Phạm Trung H đều thuận tình ly hôn.

b. Việc nuôi con: Chị Từ Thị N và anh Phạm Trung H thỏa thuận sau khi ly hôn chị Từ Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Thị Uyên C, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Phạm Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

c. Chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Từ Thị N và anh Phạm Trung H đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Án phí DSST là 150.000đ . Chị Từ Thị N và anh Phạm Trung H mỗi người phải chịu 75.000đ. Chị Từ Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cả phần của anh Phạm Trung H. Tổng cộng chị Từ Thị N phải nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Từ Thị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0003748, ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu, nay 150.000đ chuyển thành án phí, nay chị Từ Thị N được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lai Châu;*
- *VKSND huyện T;*
- *CTHADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ;*

THẨM PHÁN

Đã ký

Đoàn Trung Phước